TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Mạnh;
2. Bùi Thị Thiềm
Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk
Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất. Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLST-DS ngày 12/6/2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXX-ST ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị B**. Sinh năm 1968.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh P**. Sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2017, bản tự khai, B bản ghi lời khai đối chất, B bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị B trình bày: Bà B với ông Nguyễn Thanh P có quen biết nhau, vào ngày 21/4/2016 bà B có cho ông P vay số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*. Ông P có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận vào nội dung và chỉ có bà B với ông P, còn bà H vợ của ông P không biết. Các bên thoả thuận không tính lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 21/5/2016. Đến hạn bà B đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông P vẫn không chịu trả nợ cho bà B. Do ông P vi phạm nghĩa vụ nên bà B đề nghị Tòa buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà Lưu Thị B, số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) bà B không yêu cầu bà H vợ ông P trả nợ cho bà B.

Tại B bản ghi lời khai, B bản hoà giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông P thừa nhận ngày 21/4/2016, ông P có vay của bà Lưu Thị B số tiền

gốc là 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)* vay không tính lãi suất, hạn trả nợ ngày 21/5/2016. Ông P có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận vào nội dung, khi ông P vay tiền của bà B thì chỉ có ông P với bà B, vợ ông P bà Từ Thị Diệu H không biết vì ông P vay tiền về sử dụng vào mục đích riêng của cá nhân. Đến ngày 25/4/2016 ông P đã trả cho bà B được 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* khi trả tiền cho bà B do tin tưởng nên ông P không làm giấy B nhận và cũng không có ai làm chứng. Nay bà B yêu cầu ông P phải trả cho bà B số tiền 40.000.000đ thì ông không đồng ý, ông P chỉ chấp nhận trả nợ cho bà B số tiền nợ còn lại là 20.000.000đồng, ông P hẹn đến ngày 30/11/2017 sẽ trả nợ cho bà B.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật TTDS, thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 35, 39. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật TTDS. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96, 97, 100 Bộ luật TTDS. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật TTDS. Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật TTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án, đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên toà.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký phiên toà hôm nay đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật tại Điều 51 Bộ luật TTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia TT trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 71 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như cũng như tại phiên toà bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 72, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà hôm nay nhận thấy: Ngày 21/4/2016 nguyên đơn bà Lưu Thị B có cho ông Nguyễn Thanh P mượn số tiền 40.000.000đ, khi mượn có viết giấy mượn tiền, thời hạn trả nợ 1 tháng. Đến hạn bà B đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông P không chịu trả nợ, nên bà đề nghị Toà buộc ông P trả cho bà số tiền trên.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P thừa nhận ngày 21/4/2016 ông P có vay của bà B số tiền 40.000.000đ, đến ngày 24/4/2016 ông P đã trả cho bà B số tiền 20.000.000đ, khi trả ông P không yêu cầu bà B viết giấy nhận tiền vì tin tưởng bà B. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông P trả nợ, thì ông P không đồng ý trả cho bà B số tiền 40.000.000đ, mà chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền 20.000.000đ. Thấy hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thanh P và bà Lưu Thị B là có thật, các bên thừa nhận quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên giữa các đương sự không thoả thuận được về thực hiện hợp hợp đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết là phù hợp. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ vào ngày 24/4/2016, khi trả chỉ có nguyên đơn và bị đơn, không có ai chứng kiến và không viết giấy tờ vì tin tưởng. Do đó không có chứng cứ chứng minh việc trả nợ của mình nên yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp**: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày 21/4/2016 ông Nguyễn Thanh P có vay của bà Lưu Thị B số tiền gốc là 40.000.000đ, hạn trả nợ ngày 21/5/2016. Khi vay ông P có viết giấy vay tiền và ký xác nhận vào nội dung bên người vay. Tòa án xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền, Toà án thụ lý để giải quyết là phù hợp.

[3] **Về nội dung tranh chấp**: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Thanh P xác định, ngày 21/4/2016 ông Nguyễn Thanh P có vay của bà Lưu Thị B số tiền 40.000.000đ, ông P viết giấy mượn tiền và ký xác nhận vào nội dung, hạn trả nợ ngày 21/5/2016. Sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn, bà B đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà B số tiền 40.000.000đ. Ông P cho rằng ngày 25/4/2016 ông P đã trả cho bà B được 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*. Khi trả, do tin tưởng nhau nên *ông P không làm giấy tờ và cũng không có ai làm chứng*. Nay ông P chỉ chấp nhận trả cho bà B số tiền còn lại là 20.000.000đ.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền bản gốc được lập ngày 21/4/2016 thể hiện ông P có vay của bà B số tiền 40.000.000đ. Ông P thừa nhận ông có vay của bà B số tiền nói trên. Việc ông P cho rằng ông đã trả cho bà B được 20.000.000đ, khi trả tiền không làm giấy B nhận và

cũng không có ai làm chứng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cho đến nay bị đơn ông Nguyễn Thanh P không có các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bị đơn đã cho bà B, số tiền 20.000.000đ, trong khi nguyên đơn lại không chấp nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ như bị đơn khai.

Tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự.

1. Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp…

2. .....

Tại Điều 70 Bộ luật TTDS quy định: Quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đương sự có quyền, nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng. Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:

…..

5. Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 95: Xác định chứng cứ.

1. Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp do cơ quan tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Căn cứ theo điều luật đã được viện dẫn ở phần trên, xét thấy: Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ và hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đó là giấy mượn tiền (bản gốc) lập ngày 21/4/2016 do ông Nguyễn Thanh P viết và ký xác nhận. Nội dung của giấy mượn tiền thể hiện ông P có vay của bà B số tiền 40.000.000đ, trong khi ông P không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh bị đơn đã trả nguyên đơn số tiền 20.000.000đ, theo đó bà B xác định ông P chưa trả cho bà B được đồng nào. Do vậy, không có cơ sở để xác định ông P đã trả cho bà B số tiền 20.000.000đ là phù hợp.

Xét yêu cầu của bà B đề nghị Toà buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà B, số tiền 40.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà Lưu Thị B số tiền nợ 40.000.000[đ] *(Bốn mươi triệu đồng)* là phù hợp.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho bà Lưu Thị B, số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh P phải chịu 2.000.000đ *(Hai triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị B số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai số 003978 ngày 07 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk.

4. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS huyện;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Kim Anh